TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày 09/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Thành.**

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hà Huy Khoa.

2, Bà Cao Thị Hưng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trịnh Lê Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: **Bà Lại Thị Giang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Bùi Xuân N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1972

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn T, xã Đô, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam.

Con ông Bùi Thọ X, sinh năm 1944 và Cao Thị G, sinh năm 1947.

Vợ: Vũ Thị Tr (tức Vũ Thị H), sinh năm 1979 (đã ly hôn); Có 02 con: Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013.

Nhân thân: Còn nhỏ được nuôi học hết lớp 12/12. Sau ở nhà lao động tự do. Năm 2012 bắt đầu công tác và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Qũy tín dụng thị trấn Đông Hưng. Đến ngày 21/4/2018, N tự ý nghỉ việc tại Quỹ tín dụng thị trấn Đông Hưng và bỏ trốn khỏi địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/11/2022 đến ngày 17/11/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Thái Bình. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 và chị Đỗ Thị L, sinh năm 1979 *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ph, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

**** Người làm chứng:***

1. Chị Vũ Thị Tr (Vũ Thị H), sinh năm 1979 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1957 *(vắng mặt)*

3. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1977 *(vắng mặt)*

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bùi Xuân N là Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đông Hưng trong thời điểm từ ngày 13/02/2012 đến ngày 23/4/2018. Vì nợ nần nhiều và đến hạn phải trả nhưng N không có khả năng trả nợ nên tháng 3/2018, N xin Quỹ tín dụng nghỉ, nói dối là để đi chữa bệnh. Do quen biết anh Nguyễn Văn C và vợ chị Đỗ Thị L ngày 18/4/2018, N điện thoại cho anh C hỏi vay 300.000.000 đồng để chi tiêu nhưng nói dối anh C là cần vay gấp vài ngày để phục vụ thanh tra, kiểm tra tại Quỹ tín dụng, kiểm tra xong N sẽ trả luôn nên anh C đồng ý, cùng ngày 18/4/2018, Năng một mình đến nhà anh Cộng và trực tiếp viết giấy nhận tiền, nội dung: N vay 300.000.000 đồng, hẹn 15 ngày sau trả và ký tên, ghi rõ họ tên và đưa cho anh C giữ. Mặc dù viết là 15 ngày nhưng N nói với anh C và chị L chỉ vay 3 đến 4 ngày sẽ trả luôn. Sau khi vay được tiền Năng trả nợ cho ông Bùi Văn S và bà Bùi Thị X mỗi người 100.000.000 đồng, chi tiêu cá nhân 70.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng Năng cất giữ trong người. Đến ngày 20/4/2018, N đến Quỹ tín dụng thị trấn Đông Hưng rút hết 250.000.000 đồng là cổ phần góp vốn của N ở đó và chi tiêu cá nhân hết. Anh C, sau khi cho N vay tiền thì nghe tin N vỡ nợ nên khoảng 19 giờ ngày 21/4/2018, anh C và chị L đến nhà N yêu cầu N trả ngay toàn bộ 300.000.000 đồng đã vay. Năng buộc phải trả 30.000.000 đồng đang cất giữ cho anh C và nói dối anh C, chị L đến ngày 23/4/2018 sẽ làm thủ tục lấy tiền ở quỹ tín dụng trả nốt cho anh Cộng số tiền 270.000.000 đồng (thực tế thời điểm này N không còn tiền ở Quỹ tín dụng Thị trấn Đông Hưng). Anh C tin là N nói thật nên đồng ý, sau đó anh C bảo N cho vợ ký vào giấy nhận nợ trước đó N đã viết cho chắc chắn. N gọi chị Vũ Thị Tr vợ N ở trên tầng 2 xuống bảo ký vào giấy vay tiền, chị Tr xem giấy rồi ký ghi rõ họ tên vào giấy vì nghĩ rằng Năng vay tiền thật thì N phải có trách nhiệm trả, tránh to tiếng. N suy nghĩ và ý định sẽ bỏ trốn, N nói với vợ là sáng mai sẽ đi thành phố Hồ chí Minh. Ngày 22/4/2018, N đón xe đi. Chị Tr phát hiện N có dấu hiệu lo lắng, bất thường, sợ N có hành động tiêu cực với bản thân nên chị đi theo N. Đến nơi, N chỉ nói với chị là N có nợ vài người giờ

không có khả năng trả nợ nên phải trốn. Chị Tr cũng không hỏi cụ thể do vợ chồng bất đồng quan điểm, khi vay mượn N không bàn bạc gì với chị, chị không được chi tiêu. Chị Tr ở lại khoảng 3 ngày sau thì về nhà đi dạy học bình thường. Còn N ở lại cắt liên lạc với tất cả mọi người. Quá trình bỏ trốn N khai còn đến tỉnh B, Đ (không rõ địa chỉ cụ thể) làm thuê nhiều công việc khác nhau.

- Về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Sau khi bỏ trốn, qua nắm tình hình N biết việc Năng lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh C, chị L đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng khởi tố và truy nã. Khoảng tháng 7/2022, N vào trang Web Google tìm kiếm địa chỉ nhận làm Căn cước công dân giả. N liên hệ và cung cấp thông tin gồm: Số điện thoại, chụp ảnh của N để thuê làm Căn cước công dân giả mang tên người khác với giá tiền 1.500.000 đồng. Với mục đích để thuận lợi hơn trong việc che giấu thân phận, tránh sự truy bắt của cơ quan chức năng và mở tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền cho con học. Sau đó N nhận được 01 thẻ căn cước công dân giả và thanh toán tiền thông qua dịch vụ giao hàng. N kiểm tra thấy thẻ căn cước công dân này gắn ảnh của Năng nhưng mang tên Nguyễn Cao H, sinh ngày 17/06/1974; nơi thường trú: P, Ng, Đồ Sơn, Hải Phòng. Sau khi có được căn cước công dân giả, ngày 21/7/2022 Năng đã dùng để mở tài khoản số 000004919859 trên hệ thống trực tuyến của Ngân hàng Cổ phần Đông Nam Á (Seabank). Ngày 15/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng bắt được Bùi Xuân N khi đang lẩn trốn tại thành phố Thủ Đức. Sau khi bị bắt, N đã tự nguyện giao nộp Căn cước công dân nêu trên.

Kết luận giám định số 67 ngày 23/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: *"Căn cước công dân mang tên Nguyễn Cao H là giả, nội dung trên mẫu giám định không bị tẩy xóa, sửa chữa gì".*

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 45/CT-VKSĐH ngày 25/5/2023 đã truy tố bị cáo Bùi Xuân N, về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Xuân N từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Xuân N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bùi Xuân Năng.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh C, chị L số tiền 270.000.000 đồng.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Bị cáo Bùi Xuân N nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Xuân N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; Phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại của anh Nguyễn Văn C và chị Đỗ Thị L; Giấy vay tiền ngày 18/4/2018; Lời khai của người làm chứng chị Vũ Thị Tr; Công văn của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Sea bank) ngày 09/12/2022, nội dung: "Tài khoản số 000004919859 ngày 21/7/2022 mang tên khách hàng Nguyễn Cao H, CCCD số 031074000552, địa chỉ: Ph, N, Đồ Sơn, Hải Phòng"; Kết luận giám định số 67 ngày 23/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Bùi Xuân N là Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Đông Hưng. Ngày 18/4/2018 lợi dụng sự quen biết N đã có hành vi nói dối anh Nguyễn Văn Cvà chị Đỗ Thị L là cần tiền gấp trong khoảng 3 đến 4 ngày để phục vụ thanh kiểm tra quỹ tín dụng, sau khi kiểm tra xong sẽ trả luôn làm anh C, chị L tin tưởng là thật đã giao cho Năng vay 300.000.000 đồng. Sáng sớm ngày 21/4/2018, Năng bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Quá trình trốn truy nã, tháng 7/2022, Năng có hành vi đã cung cấp thông tin và mua được 01 căn cước công dân giả trên mạng Internet, gắn hình ảnh của N nhưng mang tên Nguyễn Cao H - Địa chỉ: Ph, N, Đồ Sơn, Hải Phòng để tiếp tục trốn truy nã và mở tài khoản Ngân hàng Đông Nam Á. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

*"**Điều 174**. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

***Điều 341**. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...".

[2.3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân ở địa phương.

Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ trên cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này, gây mất lòng tin của nhân dân vào cơ quan nhà nước.

[2.4] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Bố đẻ bị có được tặng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt đối với bị cáo Bùi Xuân N từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù, về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt cáo hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo.

[2.6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: *"4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".* Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy hiện bị cáo không có công việc và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Xuân N.

[3] ***Về trách nhiệm dân sự:*** Bị cáo chiếm đoạt của anh C, chị L số tiền 300.000.000 đồng, bị cáo đã trả được số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh C, chị L số tiền 270.000.000 đồng.

[4] ***Trong vụ án này:***

- Đối với hành vi làm giả căn cước công dân do không xác định đối tượng làm giả nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với hành vi của chị Vũ Thị H biết việc bị cáo N trốn nợ có dấu hiệu của tội: "Không tố giác tội phạm". Tuy nhiên, chị H là vợ bị cáo N, bị cáo

N không phạm tội thuộc chương XIII Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 19 Bộ luật Hình sự không xử lý đối với hành vi của chị Vũ Thị H.

[5] ***Về án phí:*** Bị cáo Bùi Xuân N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] ***Quyền kháng cáo:*** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân N phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội: *"Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Xuân N **10** *(mười)* năm tù, về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Xuân N **01** *(một)* năm tù, về tội: *"Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Xuân n phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội **11** *(mười một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 16/11/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bùi Xuân N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Xuân N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 và chị Đỗ Thị L, sinh năm 1979, ở thôn C, xã Ph, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 270.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Bùi Xuân N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2023). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Công an huyện Đông Hưng;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Hưng;*
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hoàng Văn Thành